TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 519/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 12 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Hà
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hiền
Bà Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Xô là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 717/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 450/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị A Thị C, sinh năm 1984 (Có mặt);
Bị đơn: Anh Duy Ngọc M, sinh năm 1984 (Vắng mặt);
Cùng cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị A Thị C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị A Thị C và anh Duy Ngọc M chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi; anh M thường xuyên uống rượu, đánh đuổi và hành hạ tinh thần chị C nên đời sống vợ chồng không hạnh phúc, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay, hiện nay vợ chồng không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với anh M nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Duy Ngọc M: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh M để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh M không có mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh M về các nội dung khởi kiện của chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Duy Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị A Thị C và anh Duy Ngọc M xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh M là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị C xác định, do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi; anh M thường xuyên uống rượu, đánh đuổi và hành hạ tinh thần chị C nên đời sống vợ chồng không hạnh phúc, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay, hiện nay vợ chồng không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Do không còn tình cảm với anh M nên chị C cương quyết xin ly hôn.

Về phía anh M, tuy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng anh M không có mặt, điều này cho thấy anh M không có thiện chí hàn gắn và cũng không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị C.

Do chị C và anh M đã sống ly thân, không thực hiện được nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau nên xác định chị C và anh M đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị C, cho chị C và anh M ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị C xác định vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị C xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh M về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Chị C xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không ghi nhận được ý kiến của anh M về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này đương sự có yêu cầu giải quyết thì sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị A Thị C.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị A Thị C và anh Duy Ngọc M.
- Về con chung: Không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.
- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị A Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Ngày 11/11/2022 chị C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005703 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị A Thị C có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Duy Ngọc M có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Hồng Hà